**BẢN TỔNG HỢP TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý**

**CỦA CÁC CƠ QUAN THAM MƯU CỦA BỘ GTVT**

**(Sau các cuộc họp nội bộ và văn bản góp ý của các cơ quan thuộc Bộ)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Dự thảo Nghị định** | **Ý kiến góp ý** | **Tiếp thu, giải trình** | **Ghi chú** |
| I | **Nghị định số 65/2017/NĐ-CP** |  |  |  |
| 1 | 1. Sửa đổi khoản 2 Điều 3 (được sửa đổi tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018) như sau:  Phương án 1:  “2. Xe tập lái dùng để đào tạo lái xe ô tô, được gắn 02 biển “TẬP LÁI” trước và sau xe theo mẫu quy định tại Phụ lục II Nghị định này; có hệ thống phanh phụ được lắp đặt bảo đảm hiệu quả phanh, được bố trí bên ghế ngồi của giáo viên dạy thực hành lái xe, có giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ còn hiệu lực; xe tập lái loại tải thùng có mui che mưa, che nắng, ghế ngồi cho học viên; **xe tập lái trên sân tập lái và trên đường giao thông** có thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học thực hành lái xe của học viên.”.  Phương án 2:  “2. Xe tập lái dùng để đào tạo lái xe ô tô **trên sân tập lái và trên đường giao thông**, được gắn 02 biển “TẬP LÁI” trước và sau xe theo mẫu quy định tại Phụ lục II Nghị định này; có hệ thống phanh phụ được lắp đặt bảo đảm hiệu quả phanh, được bố trí bên ghế ngồi của giáo viên dạy thực hành lái xe, có giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ còn hiệu lực; xe tập lái loại tải thùng có mui che mưa, che nắng, ghế ngồi cho học viên; **xe tập lái trên đường giao thông** có thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học thực hành lái xe của học viên.”. | **1. Vụ Pháp chế**  Đề nghị thuyết minh ưu, nhược điểm của từng phương án để có sự đánh giá, lựa chọn phương án phù hợp. Mặt khác, hiện nay theo quy định về Chương trình đạo tạo lái xe các hạng được quy định tại Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT đều quy định thời gian học lái xe trên đường giao thông và thời gian học lái xe trên sân tập lái. Do đó, đề nghị xem xét lại phương án 2 (chỉ yêu cầu xe tập lái trên đường giao thông có thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học thực hành lái xe) để đảm bảo phù hợp với việc giám sát thời gian học trong Chương trình đào tạo lái xe các hạng.  **2. Thanh tra Bộ**  Lựa chọn Phương án 1 | ***Giải trình:***  1. Về đề nghị thuyết minh ưu, nhược điểm của từng phương án:  Cục ĐBVN đã có thuyết minh ưu nhược điểm của từng phương án tại Tờ trình số 70/TTr-CĐBVN ngày 19/5/2023 trình Bộ GTVT Hồ sơ xây dựng Dự thảo Nghị định.  2. Về Lựa chọn phương án:  Đề xuất lấy ý kiến của các Tổ chức và cá nhân cả 2 phương án để có đánh giá đầy đủ hơn về nội dung này |  |
| 2 | 2. Bổ sung Điều 4 như sau:  **“Điều 4. Nguyên tắc hoạt động dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe**  **1. Hoạt động sát hạch phải đảm bảo tính độc lập, khách quan, minh bạch, tuân thủ quy định của pháp luật.**  **2. Việc xây dựng, thành lập cơ sở đào tạo lái xe ô tô và trung tâm sát hạch lái xe phải phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch chuyên ngành và các quy hoạch khác có liên quan, trong đó có xét đến các yếu tố đặc thù của các địa phương, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo; phù hợp với mật độ dân cư trên địa bàn; khuyến khích ứng dụng công nghệ, thiết bị hiện đại trong hoạt động đào tạo lái xe ô tô và sát hạch lái xe.”.** | **1. Vụ Pháp chế**  - Về kỹ thuật soạn thảo: Điều 4 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP đã được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số [138/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-138-2018-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-65-2016-nd-cp-kinh-doanh-dich-vu-dao-tao-lai-xe-o-to-307544.aspx), do đó đề nghị chỉnh lý theo hướng bổ sung Điều 4a vào sau Điều 4 để đảm bảo kỹ thuật hợp nhất văn bản.  - Điều 4 khoản 2: tại khoản này quy định nguyên tắc *“trong đó có xét đến tính liền kề giữa các địa phương, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo; phù hợp với số lượng, mật độ phương tiện được đăng ký trên địa bàn”.* Tuy nhiên trong dự thảo Nghị định chưa làm rõ các tiêu chí để cụ thể hóa nguyên tắc này, vì vậy sẽ gây khó khăn, lúng túng trong việc việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe.  **2. Ý kiến của các thành viên tại cuộc họp ngày 28/6/2023:**  Nội dung Dự thảo không hàm chứa nguyên tắc, nên đề nghị không quy định điều khoản về nguyên tắc | ***- Tiếp thu: sửa đổi Dự thảo như sau***  **Điều 4a. Việc xây dựng, thành lập cơ sở đào tạo lái xe ô tô và trung tâm sát hạch lái xe phải căn cứ quy hoạch tỉnh, quy hoạch chuyên ngành và các quy hoạch khác có liên quan, trong đó có xét đến các yếu tố đặc thù của các địa phương, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo; phù hợp với mật độ dân cư trên địa bàn; khuyến khích ứng dụng công nghệ, thiết bị hiện đại trong hoạt động đào tạo lái xe ô tô và sát hạch lái xe.**  **-** |  |
| 3 | 3. Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 Điều 6 (được sửa đổi tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 và khoản 2 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2022) như sau:  a) Sửa đổi khoản 1 Điều 6 (được sửa đổi tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018) như sau  “1. Hệ thống phòng học chuyên môn:  a) Phòng sử dụng học lý thuyết: có các thiết bị công nghệ thông tin làm công cụ hỗ trợ việc giảng dạy về các nội dung: pháp luật giao thông đường bộ, Đạo đức người lái xe, văn hóa giao thông, phòng chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông và phòng chống cháy nổ và cứu nạn, cứu hộ; trường hợp, các thiết bị công nghệ thông tin chưa mô tả hệ thống báo hiệu đường bộ, sa hình, thì phải có hệ thống tranh vẽ.  b) Phòng sử dụng học Kỹ thuật ô tô: có các thiết bị công nghệ thông tin làm công cụ hỗ trợ việc giảng dạy về cấu tạo, sửa chữa thông thường và kỹ thuật lái xe; có mô hình cắt bổ động cơ, hệ thống truyền lực và mô hình hệ thống điện; có trang bị đồ nghề chuyên dùng để hướng dẫn học sinh thực hành tháo lắp lốp, kiểm tra dầu xe, nước làm mát (có thể bố trí ở nơi riêng biệt); có xe ô tô được kê kích bảo đảm an toàn để tập số nguội, số nóng (có thể bố trí ở nơi riêng biệt); có thiết bị mô phòng để đào tạo lái xe – cabin học lái xe (có thể bố trí ở nơi riêng biệt); trường hợp, các thiết bị công nghệ thông tin chưa có sơ đồ mô tả cấu tạo và nguyên lý hoạt động của động cơ, hệ thống truyền lực, hệ thống treo, hệ thống phanh, hệ thống lái, các thao tác lái xe cơ bản (điều chỉnh ghế lái, tư thế ngồi lái, vị trí cầm vô lăng lái...), thì phải có hệ thống tranh vẽ;  c) Cơ sở đào tạo lái xe ô tô bố trí số lượng phòng học lý thuyết và phòng học kỹ thuật ô tô phù hợp với lưu lượng và chương trình đào tạo; với lưu lượng dưới 500 học viên phải có ít nhất 2 phòng học; với lưu lượng từ 500 học viên đến 1000 học viên phải có ít nhất 04 phòng học; với lưu lượng 1.000 học viên trở lên phải có ít nhất 06 phòng học.**”;**  b) Sửa đổi khoản 2 Điều 6 (khoản 2 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2022) như sau:  “2. Xe tập lái  a) Có xe tập lái các hạng thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo lái xe; được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái; trường hợp cơ sở đào tạo có dịch vụ sát hạch lái xe, căn cứ thời gian sử dụng xe sát hạch vào mục đích sát hạch, được phép sử dụng xe sát hạch để vừa thực hiện sát hạch lái xe, vừa đào tạo lái xe nhưng số lượng xe sát hạch dùng để tính lưu lượng đào tạo không quá 50% số xe sát hạch sử dụng để dạy lái;  b) Ô tô tải sử dụng để dạy lái xe các hạng B1, B2 phải có trọng tải từ 1.000 kg trở lên với số lượng không quá 30% tổng số xe tập lái cùng hạng của cơ sở đào tạo. **Xe tập lái hạng B1, B2 và FB có niên hạn không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất); xe tập lái hạng C, FC, D, E, FD và FE có niên hạn theo quy định tại Nghị định số 95/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định niên hạn sử dụng đối với xe ô tô chở hàng và xe ô tô chở người.**”. | **1. Vụ Pháp chế**  Khoản 3 (sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 6):  - Điều 6 khoản 1: đề nghị cân nhắc quy định “có thiết bị công nghệ thông tin làm công cụ hỗ trợ …” để đảm bảo tính rõ ràng, khả thi trong quá trình thực hiện vì thuật ngữ *“thiết bị công nghệ thông tin”* chung chung, khó xác định.  **2. Ý kiến của các thành viên tại cuộc họp ngày 28/6/2023:**  Việc quy định thiết bị công nghệ thông tin không tiết kiệm được các trang thiết bị hiện có của cơ sở đào tạo  - Điều 6 khoản 2 điểm a: đề nghị cân nhắc chỉnh lý cụm từ “để dạy lái” thành “để dạy thực hành lái xe” cho phù hợp, thống nhất trong dự thảo Nghị định.  - Điều 6 khoản 2 điểm b: quy định về niên hạn xe tập lái là một nội dung mới (đặc biệt là niên hạn xe tập lái hạng B1, B2 và FB), do đó đề nghị đánh giá kỹ lưỡng về cơ sở để đưa ra niên hạn, đảm bảo phù hợp, khả thi. Tương tự, đề nghị rà soát đối với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 18 (được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 11 Điều 1 dự thảo Nghị định). | - ***Giải trình:***  Trong thời đại 4.0 hiện có nhiều công nghệ hỗ trợ việc dạy và học, nên việc quy định cụ thể sẽ không đáp ứng được sự phù hợp với các ứng dụng công nghệ đang được thay đổi theo từng ngày, tháng hiện nay.  ***Tiếp thu:*** sửa đổi tại Dự thảo Thông tư “*có các trang thiết bị làm công cụ hỗ trợ việc giảng dạy về các nội dung: pháp luật giao thông đường bộ*”  ***- Tiếp thu:***  Sửa đổi tại Dự thảo Nghị Định trình Chính phủ.  ***- Giải trình:***  Qua khảo sát số lượng xe chịu sự điều chỉnh chiếm ???% số xe tập lái hiện đang hoạt động;  Ngoài ra, Dự thảo Nghị định đã xây dựng lộ trình thực hiện để đảm bảo phù hợp, khả thi. |  |
| 4 | 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 (được sửa đổi tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018) như sau:  “**Điều 8. Tiêu chuẩn giáo viên dạy lái xe, Giấy chứng nhận và thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe ô tô**  1. Tiêu chuẩn chung: **Có chứng chỉ sư phạm dạy nghề dạy trình độ sơ cấp nghề hoặc chứng chỉ bồi dưỡng sư phạm bậc 1 hoặc chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ sơ cấp hoặc tương đương trở lên.**  2. Giáo viên dạy lý thuyết phải có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên một trong các chuyên ngành luật, công nghệ ô tô, công nghệ kỹ thuật ô tô, lắp ráp ô tô hoặc các ngành nghề khác có nội dung đào tạo chuyên ngành ô tô chiếm 30% trở lên, giáo viên dạy môn Kỹ thuật lái xe phải có giấy phép lái xe tương ứng hạng xe đào tạo trở lên.  3. Giáo viên dạy thực hành lái xe đáp ứng các tiêu chuẩn sau:  a) **Tốt nghiệp phổ thông trung học trở lên;**  b) Có giấy phép lái xe hạng tương ứng hoặc cao hơn hạng xe đào tạo, nhưng không thấp hơn hạng B2;  c) Giáo viên dạy các hạng B1, B2 phải có giấy phép lái xe đủ thời gian từ 03 năm trở lên, kể từ ngày trúng tuyển; giáo viên dạy các hạng C, D, E và F phải có giấy phép lái xe đủ thời gian từ 05 năm trở lên kể từ ngày trúng tuyển; **có 50.000 km lái xe an toàn trở lên;**  d) Đã qua tập huấn về nghiệp vụ dạy thực hành lái xe theo chương trình do cơ quan có thẩm quyền ban hành và được cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này.  4. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe  Sở Giao thông vận tải cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe cho giáo viên thuộc các cơ sở đào tạo do địa phương quản lý **hoặc các cá nhân trên địa bàn.**” | **1. Vụ Pháp chế**  4. Khoản 4 (sửa đổi, bổ sung Điều 8)  - Điều 8 khoản 3 điểm a: đề nghị xem xét lại quy định *“Tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên”* để đảm bảo tính thống nhất vì tại khoản 1 Điều 8 quy định điều kiện chung của giáo viên dạy lái xe là có chứng chỉ sư phạm dạy nghề dạy trình độ sơ cấp trở lên.  - Điều 8 khoản 3 điểm c: dự thảo bổ sung quy định *“có 50.000 km lái xe an toàn”*, để đảm bảo tính rõ ràng và khả thi của quy định đề nghị làm rõ các nội dung sau: (i) chủ thể nào có thẩm quyền xác nhận số km lái xe an toàn này; (ii) số km lái xe an toàn này là liên tục hay không liên tục; (iii) tiêu chí nào để xác định là lái xe an toàn.  - Điều 8 khoản 4: đề nghị làm rõ quy định “cá nhân trên địa bàn” là như thế nào, có thể được hiểu là không thuộc cơ sở đào tạo nào hay không.  **2. ý kiến các thành viên tại cuộc họp ngày 28/6/2023:**  - Đề nghị kết cấu lại theo hướng đưa nội dung điều khoản chung ghép vào điều khoản cụ thể.  - Quy định rõ thực hiện tập huấn theo chương trình do cơ quan nào ban hành | ***- Giải trình:***  ***- Giải trình:***  Lái xe an toàn, là một trong các yêu cầu về ý thức của giáo viên dạy thực hành lái xe cần có khi đứng lớp giảng dạy cho học sinh về ý thức tham gia giao thông an toàn.  ***- Giải trình:***  Hiện nay, công tác quản lý đào tạo, sát hạch lái xe đang được Chính phủ cũng như Bộ GTVT phân cấp quản lý theo địa phương; Do đó, quy định này nhằm giao trách nhiệm cho Sở GTVT thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận cho người có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe thông qua 02 hình thức tiếp nhận hồ sơ: một là do cơ sở đào tạo gửi trong trường hợp cơ sở đào tạo tuyển dụng lao động; hai là do các cá nhân trực tiếp nộp hồ sơ trong trường hợp chưa ký kết hợp đồng lao động với cơ sở đào tạo lái xe.  ***- Tiếp thu:*** sửa đổi tại dự thảo Thông tư  1. Giáo viên dạy lý thuyết đáp ứng các tiêu chuẩn sau:  a) Phải có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên một trong các chuyên ngành luật, công nghệ ô tô, công nghệ kỹ thuật ô tô, lắp ráp ô tô hoặc các ngành nghề khác có nội dung đào tạo chuyên ngành ô tô chiếm 30% trở lên  b) Giáo viên dạy môn Kỹ thuật lái xe phải có giấy phép lái xe tương ứng hạng xe đào tạo trở lên;  **c) Có** **chứng chỉ sư phạm dạy nghề dạy trình độ sơ cấp nghề hoặc chứng chỉ bồi dưỡng sư phạm bậc 1 hoặc chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ sơ cấp hoặc tương đương trở lên.**  2. Giáo viên dạy thực hành lái xe đáp ứng các tiêu chuẩn sau:  a) **Tốt nghiệp phổ thông trung học trở lên;**  b) Có giấy phép lái xe hạng tương ứng hoặc cao hơn hạng xe đào tạo, nhưng không thấp hơn hạng B2; giáo viên dạy các hạng B1, B2 phải có giấy phép lái xe đủ thời gian từ 03 năm trở lên, kể từ ngày trúng tuyển; giáo viên dạy các hạng C, D, E và F phải có giấy phép lái xe đủ thời gian từ 05 năm trở lên kể từ ngày trúng tuyển;  **c) Có 50.000 km lái xe an toàn trở lên;**  **d) Có** **chứng chỉ sư phạm dạy nghề dạy trình độ sơ cấp nghề hoặc chứng chỉ bồi dưỡng sư phạm bậc 1 hoặc chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ sơ cấp hoặc tương đương trở lên.**  đ) Đã qua tập huấn về nghiệp vụ dạy thực hành lái xe theo chương trình do Bộ Giao thông vận tải ban hành và được cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này.  3. Sở Giao thông vận tải cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe cho giáo viên thuộc các cơ sở đào tạo do địa phương quản lý **hoặc các cá nhân có nhu cầu.**” |  |
| 5 | 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 (được sửa đổi tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2022) như sau:  “**Điều 9. Thủ tục cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe**  …  **3. Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe bị thu hồi trong các trường hợp sau:**  **a) Có hành vi gian lận trong tập huấn và kiểm tra để được Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe;**  **b) Cấp cho người không đủ điều kiện;**  **c) Do người không có thẩm quyền cấp;**  **d) Bị tẩy xóa, sửa chữa;**  **e) Để cho người khác sử dụng;**  **g) Vi phạm các quy định của pháp luật về giao thông đường bộ để xảy ra tai nạn giao thông từ mức nghiêm trọng trở lên; nếu có nhu cầu cấp lại giấy chứng nhận phải được kiểm tra lại sau thời gian ít nhất 12 tháng kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền với hình thức thu hồi, tước quyền sử dụng giấy phép lái xe;**  **h) Do cơ quan có thẩm quyền cấp sai.**  **…”** | **1. Vụ Pháp chế**  - Điều 9 khoản 3: đề nghị xem xét lại quy định *“nếu có nhu cầu cấp lại giấy chứng nhận phải được kiểm tra lại sau thời gian ít nhất 12 tháng kể từ ngày chấp hành xong …”* để bảo đảm tính thống nhất, tính khả thi trong quá trình triển khai thực hiện vì hiện nay không có quy định về việc kiểm tra trước khi cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.  **2. ý kiến các thành viên tại cuộc họp ngày 28/6/2023:**  Làm rõ người không đủ một trong các tiêu chuẩn hay bao gồm các tiêu chuẩn thì bị thu hồi Giấy CNGVDTHLX | ***Giải trình:***  Điềm b khoản 2 Điều 9 Nghị định số 65/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 6 Điều 1 Nghị định số 138/NĐ-CP quy định về việc kiểm tra, đánh giá cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe:  “*Sở Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận hồ sơ cá nhân hoặc hồ sơ, danh sách do cơ sở đào tạo lập theo mẫu quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định này; trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, tổ chức kiểm tra, đánh giá. Trường hợp cá nhân không đủ điều kiện, Sở Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do”*  ***- Tiếp thu:*** sửa đổi tại dự thảo Thông tư  **b) Cấp cho người không đủ một trong các tiêu chuẩn quy định tại Điều 8 Nghị định này;** |  |
| 6 |  | **2. ý kiến các thành viên tại cuộc họp ngày 28/6/2023:**  Đề nghị quy định rõ trình tự thực hiện đối với trường hợp cấp lại Giấy CNGVDTHLX khi bị tước GPLX. | ***- Tiếp thu:*** sửa đổi tại dự thảo Thông tư theo hướng sửa đổi Điều 10 để thuận lợi cho việc hợp nhất  **Điều 10. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe**  1. Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe được cấp lại trong trường hợp bị mất; bị hỏng; có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe; **bị thu hồi theo quy định tại điểm g khoản 3 Điều 9 Nghị định này và người có hành vi vi phạm đã chấp hành xong quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền với hình thức thu hồi, tước quyền sử dụng giấy phép lái xe với thời gian trên 12 tháng**. Hồ sơ bao gồm các thành phần quy định tại điểm a và điểm e khoản 1 Điều 9 của Nghị định này.  2. Trình tự thực hiện  a) Cá nhân hoặc cơ sở đào tạo lập 01 bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải;  b) Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ cá nhân hoặc hồ sơ, danh sách do cơ sở đào tạo lập theo mẫu quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định này. Trường hợp giáo viên, cá nhân không đủ điều kiện, Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;  c) Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Giao thông vận tải cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, vào sổ theo dõi theo mẫu quy định tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định này.  d) **Đối với cấp lại trong trường hợp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe bị thu hồi theo quy định tại điểm g khoản 3 Điều 9 Nghị định này, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra đánh giá. Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra, Sở Giao thông vận tải cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, vào sổ theo dõi theo mẫu quy định tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định này. Trường hợp cá nhân không đạt kết quả, Sở Giao thông vận tải phải thông báo bằng văn bản.”** |  |
| 7 | 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 11 như sau:  a) Sửa đổi khoản 1 Điều 11 như sau:  “1. Giấy phép xe tập lái được cơ quan có thẩm quyền cấp theo mẫu quy định tại Phụ lục VII kèm theo Nghị định này; **có thời hạn không quá 03 năm kể từ ngày cấp và không quá thời hạn trong giao dịch dân sự về xe tập lái**.”;  b) Bổ sung khoản 3 vào Điều 11 như sau:  **“3. Giấy phép xe tập lái bị thu hồi trong các trường hợp sau:**  **a) Cấp cho xe ô tô tập lái không đủ điều kiện;**  **b) Do người không có thẩm quyền cấp;**  **c) Bị tẩy xóa, sửa chữa; để cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng vào mục đích đào tạo lái xe;**  **d) Cơ sở đào tạo lái xe giải thể hoặc bị thu hồi giấy phép đào tạo;**  **đ) Do cơ quan có thẩm quyền cấp sai.”;**  c)Bổ sung khoản 4 vào Điều 11 như sau:  **“4. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép xe tập lái, thực hiện thu hồi theo trình tự sau:**  **a) Ban hành quyết định thu hồi, thông báo đến các cơ quan có liên quan để phối hợp thực hiện và công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền;**  **b) Cơ sở đào tạo lái xe được cấp Giấy phép xe tập lái phải nộp lại giấy phép cho cơ quan cấp, đồng thời dừng sử dụng xe ô tô đã bị thu hồi giấy phép xe tập lái trong hoạt động giảng dạy ngay sau khi quyết định thu hồi giấy phép xe tập lái có hiệu lực.**”. | **1. Vụ Pháp chế**  - Điều 11 khoản 1: đề nghị làm rõ cơ sở quy định giấy phép lái xe tập lái có thời hạn không quá 03 năm để đảm bảo tính rõ ràng, khả thi vì quy định như dự thảo Nghị định sẽ dẫn đến việc tùy nghi trong quá trình triển khai (có thể được hiểu là cấp tối đa 03 năm, có thể cấp thời hạn 01 năm, 02 năm). Mặt khác, đề nghị làm rõ quy định *“không quá thời gian trong giao dịch dân sự”* là như thế nào, cách xác định thời gian trong giao dịch dân sự.  **2. Thanh tra Bộ**  Đề nghị viết lại, làm rõ câu *“…không quá thời hạn trong giao dịch dân sự về xe tập lái”* để dễ hiểu và thực hiện  **1. Vụ Pháp chế**  - Điều 11 khoản 3 điểm a: đề nghị quy định theo hướng *“Cấp cho xe ô tô tập lái không đủ điều kiện theo quy định tại khoản … Điều … của Nghị định này”*, đồng thời đề nghị quy định rõ không đủ các điều kiện hay không đủ một trong các điều kiện.  **2. ý kiến các thành viên tại cuộc họp ngày 28/6/2023:**  Đề nghị xây dựng lại thời hạn cấp giấy phép xe tập lái và làm rõ thời hạn giao dịch dân sự | **- Giải trình**  **- *Tiếp thu:*** sửa đổi tại Dự thảo Thông tư.  **- *Tiếp thu:*** sửa đổi tại Dự thảo Thông tư.  ***- Tiếp thu:*** sửa đổi tại dự thảo Thông tư:  1. Giấy phép xe tập lái được cơ quan có thẩm quyền cấp theo mẫu quy định tại Phụ lục VII kèm theo Nghị định này; **có thời hạn không quá 03 năm kể từ ngày cấp; trường hợp cấp theo đề nghị của cơ sở đào tạo thì giấy phép có thời hạn từ 01 năm đến 03 năm; trường hợp xe tập lái thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo, thì giấy phép có thời hạn tương ứng với thời hạn sử dụng hợp pháp đối với xe tập lái**.”; |  |
| 8 | 11. Sửa đổi điểm c và điểm g khoản 1 Điều 18 (được sửa đổi tại điểm a và điểm b khoản 8 Điều 1 Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018) như sau:  a) Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 18 (được sửa đổi tại điểm a khoản 8 Điều 1 Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018) như sau:  “c) Số lượng xe cơ giới dùng để sát hạch: Sát hạch lái xe trong hình hạng A1, B1, B2 và C tối thiểu mỗi hạng 02 xe, các hạng khác tối thiểu mỗi hạng 01 xe và không được sử dụng vào mục đích kinh doanh khác; sát hạch lái xe trên đường tối thiểu mỗi hạng 01 xe. Xe sát hạch lái xe thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân có trung tâm sát hạch lái xe. **Xe sát hạch lái xe hạng B1, B2 và FB có niên hạn không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất); xe sát hạch lái xe hạng C, FC, D, E, FD và FE có niên hạn theo quy định tại Nghị định số 95/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định niên hạn sử dụng đối với xe ô tô chở hàng và xe ô tô chở người.**”;  b) Sửa đổi điểm g khoản 1 Điều 18 (được sửa đổi tại điểm b khoản 8 Điều 1 Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018) như sau:  “g) Thiết bị mô phỏng để sát hạch lái xe ô tô: tối thiểu 02 máy chủ (server); tối thiểu 10 máy trạm được cài đặt phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông do Bộ Giao thông vận tải quy định.”. | **1. Vụ Pháp chế**  7. Khoản 10 (sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18)  - Điều 18 khoản 1 điểm g: đề nghị làm rõ việc quy định *“tối thiểu 02 máy chủ, tối thiểu 10 máy trạm …”* được xác định, tính toán trên cơ sở nào để đảm bảo tính khả thi. | ***- Giải trình:***  Qua khảo sát số lượng xe chịu sự điều chỉnh chiếm ???% số xe sát hạch hiện đang hoạt động;  Ngoài ra, Dự thảo Nghị định đã xây dựng lộ trình thực hiện để đảm bảo phù hợp, khả thi  **- *Giải trình:***  Trên cơ sở quy định của nội dung Lý thuyết (đã được xây dựng tại QCVN 41:2015) và độ phân giải các clip tình huống giao thông xây dựng trong phần mềm mô phỏng. |  |
| 9 | 12. Sửa đổi khoản 3 Điều 19 như sau:  “3. Sở Giao thông vận tải cấp mới, cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.”.  13. Sửa đổi khoản 2 Điều 20 (được sửa đổi tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2022) như sau:  “2. Trình tự thực hiện  a) Tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị kèm 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Giao thông vận tải;  b) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận gửi tổ chức, cá nhân; trường hợp không chấp thuận phải trả lời tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do. Quá thời hạn trên, nếu không có văn bản trả lời thì được coi như đã chấp thuận đề nghị.”. | 8. Khoản 12 (sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 19), khoản 14 (sửa đổi, bổ sung Điều 21): dự thảo Nghị định sửa theo hướng phân cấp cho Sở Giao thông vận tải cấp mới, cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động cho trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 (hiện nay Cục Đường bộ Việt Nam đang thực hiện việc cấp này), do đó đề nghị lấy ý kiến cơ quan được phân cấp và rà soát để có lộ trình chuyển tiếp phù hợp đảm bảo các nguồn lực triển khai thực hiện việc phân cấp. | ***Tiếp thu:***  Hoàn thiện nội dung này sau khi lấy ý kiến cơ quan được phân cấp. |  |
| 10 | ***15. Sửa đổi Điều 21 như sau:***  **“Điều 21. Thủ tục cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động**  1. Sau khi xây dựng xong trung tâm sát hạch lái xe, tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải kiểm tra, cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.  2. Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, **lập biên bản theo mẫu quy định tại phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định này và** cấp giấy chứng nhận **cho trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động**. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.**”** |  | **Giải trình:**  Cục ĐBVN bổ sung Biểu mẫu biên bản kiểm tra cấp giấy CNTTSHLX đủ điều kiện để các Sở GTVT thống nhất thực hiện |  |
| 11 | **Bổ sung diểm d vào khoản 1 Điều 26 như sau:**  **d) Quy định và hướng dẫn việc quản lý và sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học thực hành lái xe.”** |  | **Giải trình:**  Cục ĐBVN bổ sung trách nhiệm của Bộ GTVT trong việc quy định, hướng dẫn quản lý và sử dụng dữ liệu từ thiết bị DAT, để có cơ sở pháp lý trogn việc hướng dẫn thực hiện tại Thông tư. |  |
| II | **Điều 2 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 10/2020/NĐ-CP** |  |  |  |
| 1 | 2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 4 như sau:  “a) Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật danh mục mạng lưới tuyến **trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Sở Giao thông vận tải: xây dựng, điều chỉnh, bổ sung danh mục mạng lưới tuyến cố định nội tỉnh; thống nhất với Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia để thực hiện xây dựng, điều chỉnh, bổ sung danh mục mạng lưới tuyến cố định liên tỉnh; cập nhật danh mục mạng lưới tuyến trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải;**” | **1. Vụ Pháp chế:** 1. Khoản 2 (sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 4):  - Đề nghị quy định rõ việc cập nhật danh mục mạng lưới tuyến *“trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến”* là trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cấp nào để đảm bảo tính rõ ràng, khả thi trong quá trình thực hiện.  - Mặt khác đề nghị bỏ quy định *“thống nhất với Sở Giao thông vận tải … cố định liên tỉnh”* vì điểm này đang quy định về nội dung quản lý tuyến, do đó việc quy định trách nhiệm của Sở là không phù hợp với tên khoản. Mặt khác quy định này đã được giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo thực hiện (khoản 4 Điều 33). | ***- Tiếp thu:*** sửa đổi thành “trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ GTVT”  - ***Giải trình:***  Đề nghị giữ nguyên như dự thảo do tuyến liên tỉnh phải được sự thống nhất của địa phương hai đầu tuyến. Nếu không quy định thống nhất thì sẽ dẫn đến mỗi địa phương thực hiện một kiểu. Còn UBND cấp tỉnh chỉ thực hiện chỉ đạo đối với tuyến nội tỉnh, tuyến xe buýt. |  |
| 2 | 3. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm c và điểm d khoản 3 Điều 7 như sau:  a) Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 7 như sau:  “a) Chỉ được ký hợp đồng vận chuyển với người thuê vận tải có nhu cầu thuê cả chuyến xe (bao gồm cả thuê người lái xe); **mỗi chuyến đi chỉ được đón khách tại một địa điểm, trả khách tại một địa điểm** theo đúng địa điểm trong hợp đồng vận chuyển đã ký kết;”  b) Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 7 như sau:  “c) Không được đón, trả khách **từ 03 ngày liên tiếp trở lên hoặc có trên 10 ngày trong một tháng** tại trụ sở chính, trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc tại một địa điểm cố định khác;”;  c) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 7 như sau:  **Phương án 1:** “d) Trong thời gian một tháng, mỗi xe ô tô không được thực hiện quá 10% tổng số chuyến của xe đó có điểm đầu trùng lặp và điểm cuối trùng lặp**;** **phạm vi trùng lặp điểm đầu, điểm cuối được xác định theo địa giới hành chính cấp xã (phường);** việc xác định điểm đầu, điểm cuối trùng lặp được thực hiện thông qua dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình của xe, thông tin của hợp đồng vận chuyển đã ký kết **hoặc bằng các biện pháp khác**.”  **Phương án 2:** “d) Trong thời gian một tháng, mỗi xe ô tô không được thực hiện quá 10% tổng số chuyến của xe đó có điểm đầu trùng lặp và điểm cuối trùng lặp**;** **phạm vi trùng lặp điểm đầu, điểm cuối được xác định theo địa giới hành chính cấp huyện;** việc xác định điểm đầu, điểm cuối trùng lặp được thực hiện thông qua dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình của xe, thông tin của hợp đồng vận chuyển đã ký kết **hoặc bằng các biện pháp khác**.”. | **1. Vụ Pháp chế:** 2. Khoản 3 (sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7), khoản 4 (sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8)  - Đề nghị làm rõ việc quy định “từ 03 ngày liên tiếp trở lên hoặc có trên 10 ngày trong 01 tháng” được tính toán, xác định trên cơ sở nào để đảm bảo tính khả thi.  **1. Vụ Pháp chế:**  Đề nghị làm rõ quy định *“hoặc bằng các biện pháp khác”* là biện pháp nào để đảm bảo tính rõ ràng, khả thi trong quá trình thực hiện trong quá trình xác định phạm vi trùng lặp điểm đầu, điểm cuối tại 02 phương án đề xuất tại dự thảo Nghị định.  **2. Thanh tra Bộ:** Điểm c khoản 3, điểm c khoản 4: Thanh tra Bộ lựa chọn Phương án 1 và đề nghị làm rõ câu *“hoặc bằng các biện pháp khác”* để có cơ sở pháp lý xác định các chuyến xe trùng lặp, tránh cách hiểu và thực hiện khác nhau. Hiện nay, việc xác định điểm đầu, điểm cuối trùng lặp thông qua thiết bị giám sát hành trình là rất khó. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu có quy định cụ thể hơn để phục vụ công tác kiểm tra, xác định hành vi vi phạm. | ***- Giải trình:***  Hiện nay, các địa phương đều có ý kiến phải quy định rõ thế nào là lặp đi lặp lại hàng ngày để làm cơ sở xử lý vi phạm. Trên có sở đó, đề xuất từ 3 ngày liên tiếp trở lên thì được xác định lặp đi lặp lại; đồng thời 10 ngày trong tháng để đảm bảo hạn chế việc lách luật, cứ chạy 3 ngày, dừng 1-2 ngày lại tiếp tục chu kỳ tiếp theo.  ***- Tiếp thu:***  Sửa thành *“*hoặc thông qua một trong các hình thức: trực tiếp theo dõi, hình ảnh chụp, hình ảnh từ camera.*”* tại Dự thảo Thông tư |  |
| 3 | d) Sửa đổi khoản 9 Điều 20 như sau:  “9. Doanh nghiệp, hợp tác xã bị thu hồi đăng ký khai thác tuyến đối với nốt (tài) đang khai thác khi trong một tháng thực hiện dưới 70% tổng số chuyến xe của nốt (tài) đã đăng ký.”; | **1. Thanh tra Bộ:** Điểm d khoản 6: Đề nghị làm rõ cơ sở của quy định *“Doanh nghiệp, hợp tác xã bị thu hồi đăng ký khai thác tuyến đối với nốt (tài) đang khai thác khi trong một tháng* ***thực hiện dưới 70% tổng số chuyến xe của nốt (tài) đã đăng ký****”.* | ***- Giải trình:***  Nội dung này để khắc phục tình trạng xe tuyến cố định xin vào bến để giữ chỗ sau đó ra ngoài hoạt động dù. Quy định này tham khảo quy định trước đây tại Nghị định 86/2014/NĐ-CP. Tuy nhiên, có điều chỉnh chỉ thu hồi đối với các nốt (tài) không hoạt động đủ 70% tổng số chuyến xe, không thu hồi cả tuyến nhằm tạo điều kiện cho các đơn vị khác có nhu cầu đăng ký khai thác. |  |
| 4 | đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 20 như sau:  “10. Sở Giao thông vận tải phát hành Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công thực hiện thu hồi đăng ký khai thác tuyến đối với nốt (tài) đang khai thác theo trình tự sau đây:  a) Ban hành quyết định thu hồi. Trường hợp tuyến đăng ký khai thác chỉ có 01 nốt (tài) hoặc toàn bộ các nốt (tài) của tuyến đều thực hiện dưới 70% tổng số chuyến xe đã đăng ký thì thực hiện thu hồi Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công và thu hồi phù hiệu đã cấp cho phương tiện hoạt động trên tuyến;  b) Gửi quyết định thu hồi cho doanh nghiệp, hợp tác xã, bến xe khách hai đầu tuyến, Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia và phải đăng tải thông tin trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải;  c) Trong thời gian 2 ngày kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi, thực hiện cập nhật thông tin giờ xuất bến của nốt (tài) đã thu hồi vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải để các doanh nghiệp, hợp tác xã khác đăng ký khai thác tuyến theo quy định của Nghị định này;  d) Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày quyết định thu hồi có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp, hợp tác xã bị thu hồi không được đăng ký khai thác trên tuyến có nốt (tài) bị thu hồi. Sau thời gian 30 ngày kể từ ngày quyết định thu hồi có hiệu lực thi hành, nếu có nhu cầu tiếp tục tham gia kinh doanh trên tuyến có nốt (tài) bị thu hồi thì doanh nghiệp, hợp tác xã phải làm thủ tục đăng ký khai thác tuyến theo quy định của Nghị định này.”. | **1. Thanh tra Bộ:** Điểm đ khoản 6: Đề nghị sửa lại đoạn thứ nhất thành “*10. Sở Giao thông vận tải* ***nơi*** *phát hành Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công thực hiện thu hồi đăng ký khai thác tuyến đối với nốt (tài) đang khai thác theo trình tự sau đây:”.* | ***- Tiếp thu:*** bổ sung vào Dự thảo Thông tư. |  |
| 5 | 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 10, khoản 11 và khoản 12 Điều 22 như sau:  a) Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 22 như sau:  “10. Đơn vị kinh doanh vận tải bị thu hồi phù hiệu, biển hiệu một trong các trường hợp sau đây:  a) Thu hồi phù hiệu, biển hiệu đối với tất cả phương tiện của đơn vị kinh doanh vận tải khi đơn vị kinh doanh vận tải bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh vận tải;  b) Thu hồi phù hiệu, biển hiệu của phương tiện vi phạm đối với trường hợp khi trích xuất dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình của mỗi phương tiện trong 01 tháng có từ 05 lần vi phạm tốc độ/1000 km xe chạy trở lên **hoặc trong một ngày có từ 03 lần vi phạm tốc độ trở lên** (không tính các trường hợp vi phạm tốc độ **dưới** 05 km/h);  c) Thu hồi phù hiệu của các xe ô tô kinh doanh vận tải theo tuyến cố định khi doanh nghiệp, hợp tác xã không hoạt động kinh doanh vận tải trên tuyến trong thời gian 60 ngày liên tục;  **d) Thu hồi phù hiệu, biển hiệu khi hợp đồng thuê phương tiện hết thời hạn mà không gia hạn hoặc ký hợp đồng mới; khi bán hoặc chuyển nhượng cho đơn vị khác; khi đơn vị kinh doanh vận tải có đề nghị trả lại hoặc khi không có nhu cầu tiếp tục sử dụng phương tiện để kinh doanh vận tải;**  **đ) Thu hồi phù hiệu, biển hiệu theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 19,** **điểm a khoản 12 Điều 20 của Nghị định này.”;** | **1. Vụ Pháp chế:** 3. Khoản 8 (sửa đổi, bổ sung khoản 10, 11, 12 Điều 22)  - Điều 22 khoản 11 điểm a: đề nghị xem xét lại quy định *“thời gian thu hồi được tính kể từ ngày … ban hành quyết định thu hồi”* để bảo đảm tính thống nhất vì hiện nay việc thu hồi phù hiệu tại Nghị định 10/2020/NĐ-CP là không xác định thời hạn. | ***- Giải trình***  Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Nguyên nhân, trong thời gian vừa qua, các Sở GTVT đã thu hồi nhiều phù hiệu đối với các xe vi phạm; tuy nhiên, nhiều đơn vị không thực hiện nộp lại phù hiệu hoặc nộp chậm. Vì vậy, nếu tính thời gian thu hồi từ ngày ban hành quyết định thì sẽ dẫn đến dễ bị lợi dụng, các đơn vị vận tải sẽ cố tình kéo dài thời gian nộp phù hiệu hoặc không nộp, khi đó hết hiệu lực của quyết định nhưng vẫn không nộp thì cũng không bị xử lý. |  |
|  | b) Sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 22 như sau:  “11. Sở Giao thông vận tải  ,,,,  **c) Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải không nộp phù hiệu, biển hiệu theo quyết định thu hồi, Sở Giao thông vận tải thực hiện xử phạt vi phạm hành chính theo quy định, đồng thời gửi thông báo cho cơ quan đăng kiểm để đưa vào cảnh báo phương tiện liên quan đến vi phạm bị thu hồi phù hiệu, biển hiện trên Chương trình Quản lý kiểm định.**  **Khi phương tiện đến kiểm định, cơ quan đăng kiểm thông báo cho người đưa phương tiện đến kiểm định biết về việc vi phạm, thực hiện kiểm định theo quy định đối với phương tiện, cấp Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường có thời hạn hiệu lực là 15 ngày.**  **Sau khi đơn vị kinh doanh vận tải có xe vi phạm đã đến Sở Giao thông vận tải để giải quyết vụ việc vi phạm theo quy định, Sở Giao thông vận tải phải gửi thông báo ngay cho cơ quan đăng kiểm biết để xóa cảnh báo phương tiện liên quan đến vi phạm hành chính trên Chương trình Quản lý kiểm định, thực hiện kiểm định, cấp Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành đối với phương tiện.”;** | **1. Vụ Pháp chế**  - Điều 22 khoản 11 điểm c: đề nghị quy định rõ quy định “Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải không nộp phù hiệu, biển hiệu theo quyết định thu hồi, Sở Giao thông vận tải thực hiện xử phạt vi phạm hành chính theo quy định” vì qua rà soát Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP) không có hành vi vi phạm này.  Mặt khác, đề nghị làm rõ quy định gửi thông báo đến *“cơ quan đăng kiểm”* là cơ quan nào (đơn vị đăng kiểm, Sở Giao thông vận tải, Cục Đăng kiểm Việt Nam) để đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện.  **2**. **Thanh tra Bộ:** Tại điểm b khoản 8 (nội dung liên quan đến đăng kiểm đối với trường hợp vi phạm): Đề nghị rà soát, viết lại cho thống nhất với quy định tại điểm 8 khoản 22 Điều 1 Nghị định số 30/2023/NĐ-CP. | ***- Tiếp thu:***  sửa dự thảo như sau:  “c) *Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải không nộp phù hiệu, biển hiệu theo quyết định thu hồi, Sở Giao thông vận tải thực hiện xử phạt vi phạm hành chính theo quy định, đồng thời gửi thông báo cho* *Cục Đăng kiểm Việt Nam để cảnh báo trên Chương trình quản lý kiểm định.*  *Khi phương tiện đến kiểm định, cơ quan đăng kiểm thông báo cho người đưa phương tiện đến kiểm định biết về việc vi phạm, thực hiện kiểm định theo quy định đối với phương tiện, cấp Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường có thời hạn hiệu lực là 15 ngày.*  *Sau khi đơn vị kinh doanh vận tải có xe vi phạm đã đến Sở Giao thông vận tải để giải quyết vụ việc vi phạm theo quy định, Sở Giao thông vận tải phải gửi thông báo ngay cho Cục Đăng kiểm Việt Nam để xóa cảnh báo phương tiện liên quan đến vi phạm hành chính trên Chương trình Quản lý kiểm định, thực hiện kiểm định, cấp Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành đối với phương tiện.”;* |  |
| **III** | **Điều 3 (sửa đổi, bổ sung Nghị định số 119/2021/NĐ-CP)** |  |  |  |
| 1 | 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 như sau:  “a) Giấy phép liên vận cấp cho phương tiện thương mại được phép đi lại nhiều lần, mỗi lần không quá 30 ngày và có thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cấp cho phương tiện thuộc các doanh nghiệp phục vụ các công trình, dự án thực hiện trên lãnh thổ Lào có thời hạn 01 năm và không bị hạn chế về thời gian của mỗi lần, nhưng không quá thời hạn kết thúc công trình, dự án, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên lãnh thổ Lào. **Riêng đối với xe vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải khách du lịch, Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào được cấp theo thời hạn chuyến đi hoặc thời gian của chuyến du lịch nhưng không vượt quá 30 ngày;**  b) Giấy phép liên vận cấp cho phương tiện phi thương mại **(trừ những loại phương tiện được miễn giấy phép theo quy định tại các Hiệp định vận tải đường bộ giữa Việt Nam và các nước Lào, Campuchia) có thời hạn 30 ngày kể từ ngày cấp, riêng thời hạn giấy phép liên vận cấp cho phương tiện đi công vụ, phương tiện của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế có thể có theo thời gian của chuyến đi nhưng không vượt quá 01 năm. Đối với vận tải đường bộ giữa Việt Nam và Campuchia, Giấy phép liên vận cấp cho phương tiện phi thương mại được phép đi lại một lần và có thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày cấp.”.** | **1. Thanh tra Bộ:** Khoản 2: Đề nghị sửa đoạn “*b)… phương tiện của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế theo thời gian của chuyến đi nhưng không vượt quá 01 năm…”* thành *“b)… phương tiện của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế* ***được cấp*** *theo thời gian của chuyến đi nhưng không vượt quá 01 năm…”.* | ***Tiếp thu:*** sửa đổi bổ sung trong dự thảo Thông tư |  |
| 2 | b) Giấy phép liên vận cấp cho phương tiện phi thương mại **(trừ những loại phương tiện được miễn giấy phép theo quy định tại các Hiệp định vận tải đường bộ giữa Việt Nam và các nước Lào, Campuchia) có thời hạn 30 ngày kể từ ngày cấp, riêng thời hạn giấy phép liên vận cấp cho phương tiện đi công vụ, phương tiện của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế có thể có theo thời gian của chuyến đi nhưng không vượt quá 01 năm. Đối với vận tải đường bộ giữa Việt Nam và Campuchia, Giấy phép liên vận cấp cho phương tiện phi thương mại được phép đi lại một lần và có thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày cấp.”.** | **1. Vụ Pháp chế:** 1. Khoản 2 (sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điêu 5)  - Điều 5 khoản 2 điểm b: đề nghị quy định rõ *“trừ những loại phương tiện được miễn giấy phép theo quy định tại các Hiệp định vận tải đường bộ giữa Việt Nam và Lào, Cam phù chia”* là các trường hợp nào để đảm bảo tính rõ ràng, khả thi khi thực hiện. Mặt khác, hiện nay Nghị định số 119/2021/NĐ-CP hướng dẫn thực hiện 07 Hiệp định, do đó đề nghị rà soát 07 Hiệp định này để quy định thời hạn của giấy phép liên vận cho phương tiện phi thương mại cho phù hợp, thống nhất với từng Hiệp định. | ***Tiếp thu:*** sửa đổi bổ sung trong dự thảo Thông tư |  |
| 3 | 5. Sửa đổi điểm b và điểm d khoản 1 Điều 9 như sau:  a) Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 9 như sau:  “b) Không thực hiện hoạt động vận tải liên vận ASEAN trong thời gian **02** tháng kể từ ngày được cấp giấy phép liên vận;”;  b) Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 9 như sau:  “d) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô hoặc Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN **hoặc phù hiệu, biển hiệu của phương tiện** bị cơ quan có thẩm quyền **tước hoặc** thu hồi;”. | **1. Vụ Pháp chế:** 2. Khoản 5 (sửa đổi điểm b, d khoản 1 Điều 9)  - Điều 9 khoản 1 điểm b: đề nghị thuyết minh rõ lý do giảm thời gian “từ 03 tháng” xuống còn “02 tháng” để bảo đảm tính khả thi. Tương tự đề nghị rà soát quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32, điểm b khoản 1 Điều 36.  - Điều 9 khoản 1 điểm d: đề nghị xét lại quy định thu hồi giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô hoặc giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASAN hoặc phù hiệu, biển hiệu của phương tiện trong trường hợp bị cơ quan có thẩm quyền tước để bảo đảm tính phù hợp vì trường hợp tước giấy phép, phù hiệu, biển hiệu sẽ có thời hạn tước theo quy định tại Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP); hết thời hạn tước, cơ quan có thẩm quyền phải trả lại người vi phạm. Do đó, việc quy định thu hồi đối với trường hợp tước này là không phù hợp.  Tương tự, đề nghị rà soát đối với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14, điểm b khoản 1 Điều 26, điểm d khoản 1 Điều 32, điểm đ khoản 1 Điều 36 | ***- Giải trình:***  Theo quy định tại Nghị định 119/2021/NĐ-CP. Đối với vận tải đường bộ song phương và đa phương có hạn ngạch phương tiện, thì không thực hiện hoạt động vận tải liên vận trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày cấp giấy phép liên vận thì sẽ bị thu hồi giấy phép liên vận. Tuy nhiên, hiện nay có nhiều doanh nghiệp vận tải xin cấp giấy phép liên vận trong điều kiện hạn ngạch còn ít, mặt khác các doanh nghiệp vận tải đã được cấp giấy phép liên vận nhưng không thực hiện hoạt động vận tải liên vận, xin giấy phép để nhận phần. Do đó, giảm thời gian xuống còn 02 tháng để thu hồi giấy phép cấp cho các đơn vị vận tải có nhu cầu |  |
|  | “d) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô hoặc Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN **hoặc phù hiệu, biển hiệu của phương tiện** bị cơ quan có thẩm quyền **tước hoặc** thu hồi;”.  “d) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô hoặc Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS **hoặc phù hiệu, biển hiệu của phương tiện** bị cơ quan có thẩm quyền **tước hoặc** thu hồi;”.  “b) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô hoặc Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào **hoặc phù hiệu, biển hiệu của phương tiện** bị cơ quan có thẩm quyền **tước hoặc** thu hồi;”.  “d) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô hoặc Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia **hoặc phù hiệu, biển hiệu của phương tiện** bị cơ quan có thẩm quyền **tước hoặc** thu hồi;”.  “đ) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô hoặc Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia **hoặc phù hiệu, biển hiệu của phương tiện** bị cơ quan có thẩm quyền **tước hoặc** thu hồi.”. | - Điều 9 khoản 1 điểm d: đề nghị xét lại quy định thu hồi giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô hoặc giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASAN hoặc phù hiệu, biển hiệu của phương tiện trong trường hợp bị cơ quan có thẩm quyền tước để bảo đảm tính phù hợp vì trường hợp tước giấy phép, phù hiệu, biển hiệu sẽ có thời hạn tước theo quy định tại Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP); hết thời hạn tước, cơ quan có thẩm quyền phải trả lại người vi phạm. Do đó, việc quy định thu hồi đối với trường hợp tước này là không phù hợp.  Tương tự, đề nghị rà soát đối với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14, điểm b khoản 1 Điều 26, điểm d khoản 1 Điều 32, điểm đ khoản 1 Điều 36 | - ***Tiếp thu:*** sửa trong dự thảo, bỏ quy định thu hồi giấy phép liên vận khi phương tiện bị tước phù hiệu, biển hiệu. |  |
| 4 | 10. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:  “**Điều 19. Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Trung Quốc**  ...  3. Thẩm quyền cấp giấy phép: **Sở Giao thông vận tải các tỉnh Lai Châu, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh và Sở Giao thông vận tải - Xây dựng Lào Cai căn cứ theo tuyến đường vận chuyển, hành trình các điểm được phép dừng đỗ và các cặp cửa khẩu thuộc địa phận quản lý.**  4. **Trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận tải loại D lần đầu trong năm:**  a) Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của **cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép**. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải Trung Quốc nộp hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;  b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền thực hiện cấp giấy phép theo Mẫu số 06 Phụ lục III của Nghị định này. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;  c) Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc qua đường bưu chính theo quy định.  **5. Trường hợp giấy phép vận tải loại D hết hạn, bị hư hỏng hoặc bị mất, tổ chức, đơn vị kinh doanh vận tải Trung Quốc lập hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép theo quy định tại khoản 2 và khoản 6 Điều này.”.** | **- Vụ Pháp chế:** 3. Khoản 10 (sửa đổi Điều 19)  - Điều 19 khoản 3: đề nghị làm rõ trường hợp phương tiện đi qua 02 tỉnh trở lên thì sẽ do cơ quan nào cấp giấy phép. Mặt khác, đề nghị rà soát lại cơ quan cấp giấy phép được quy định trong Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ký ngày 22 tháng 11 năm 1994 và Nghị định thư sửa đổi, Nghị định thư thực hiện Hiệp định là cơ quan nào để phân cấp cho phù hợp với Hiệp định, Nghị định thư và Điều 12 Luật tổ chức chính quyền địa phương.  - Điều 19 khoản 5: đề nghị xem xét dẫn chiếu “khoản 6” để đảm bảo tính chính xác vì Điều này không có khoản 6. | ***- Giải trình:***  Trong dự thảo đã quy định rõ:Thẩm quyền cấp giấy phép loại D là: **Sở Giao thông vận tải các tỉnh Lai Châu, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh và Sở Giao thông vận tải - Xây dựng Lào Cai căn cứ theo tuyến đường vận chuyển, hành trình các điểm được phép dừng đỗ và các cặp cửa khẩu thuộc địa phận quản lý (Có nghĩa là tuyến qua cửa khẩu thuộc tỉnh nào trong 6 tỉnh nêu trên thì Sở GTVT tỉnh đó cấp giấy phép loại D).** Cơ quan quản lý có thẩm quyền phía Việt Nam là Bộ Giao thông vận tải nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và cơ quan được Bộ ủy quyền là Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Lào Cai, Hà Giang, Lai Châu. Cơ quan thực hiện cụ thể là Vụ Vận tải - Pháp chế (Tổng cục Đường bộ Việt Nam) và Phòng quản lý vận tải các Sở Giao thông vận tải thuộc các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Lào Cai, Hà Giang, Lai Châu đã được quy định tại Thỏa thuận giữa Bộ GTVT nước CHXHCN Việt Nam và Bộ GTVT nước CHND Trung Hoa ký 30/5/2012.  ***- Tiếp thu:*** sửa trong dự thảo, chuyển từ khoản 6 sang khoản 4. |  |
| 5 | 5. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận tải loại A, B, C, E hoặc F, G lần đầu trong năm:  a) Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;  b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp giấy phép theo Mẫu số 03, 04, 05, 07, 08, 09 Phụ lục III của Nghị định này. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;  c) Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc qua đường bưu chính hoặc hình thức trực tuyến theo quy định;  Sau khi cấp giấy phép vận tải loại F, G lần đầu trong năm, Tổng cục Đường bộ Việt Nam thông báo danh sách phương tiện vận tải đã được cấp giấy phép đến Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải - Xây dựng các tỉnh nêu tại khoản 4 Điều này.  7. Trường hợp giấy phép vận tải loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam hết hạn, bị hư hỏng hoặc bị mất, tổ chức, đơn vị kinh doanh vận tải lập hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 và khoản 6 Điều này. | **- Sở GTVT Lạng Sơn**  - Đề nghị: Bộ GTVT và Cục ĐBVN báo cáo đề xuất Chính phủ sửa đổi quy định đối với TTHC cấp lại GPVT đường bộ quốc tế loại A, B và C tương tự thủ tục đã được quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BGTVT, có nghĩa là: đối với các PTVT đã được cấp GPVT đường bộ quốc tế lần 01, từ lần thứ 02 trở đi trong năm chr cần xuất trình giấy đề nghị, kèm theo đăng ký phương tiện, đăng kiểm  - Đề nghị Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường bộ Việt Nam xem xét, nâng cấp điều chỉnh phần mềm, khắc phục những tồn tại, hạn chế khi thực hiện Giải quyết TTHC trên hệ thống MCQG hiện nay, cụ thể:  1) Đối với Hệ thống MCQG: - Đề nghị duy trì ổn định hệ thống MCQG được ổn định, để Doanh nghiệp thực hiện nộp hồ sơ và công chức thẩm định hồ sơ không bị gián đoạn, ảnh hưởng bởi hiện tượng lỗi hệ thống; Đồng thời có bộ phận hỗ trợ kịp thời cho Doanh nghiệp. - Khắc phục các nội dung tồn tại đối với tài khoản doanh nghiệp khi thực hiện khai báo cập nhật thông tin lên hệ thống MCQG, để việc khai báo được thuận lợi. - Điều chỉnh các bước giải quyết TTHC trên hệ thống MCQG phù hợp với thực tế để giảm thiểu thời gian giải quyết TTHC.  2) Bổ sung loại hình đơn vị vận tải là HTX trên phần mềm dịch vụ công MCQG.  3) Tăng cường ứng dụng CNTT hỗ trợ công tác quản lý từ hệ thống MCQG nhằm giảm thời gian và công tác thống kê được chính xác và kịp thời: - Thông tin về Giấy phép vận tải in trên trang Dịch vụ công MCQG bổ sung thêm thông tin bằng tiếng Trung Quốc theo đúng thoả thuận của Bộ GTVT 7 hai nước Việt Nam và Trung Quốc; cập nhật các tuyến vận tải và hệ thống bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ kịp thời. - Có cảnh báo nhằm phát hiện được 01 phương tiện vận tải đã được cấp trong ngày, để tránh hiện tượng 01 xe cấp nhiều giấy phép trong ngày với nhiều mã hồ sơ khác nhau; hoặc 01 doanh nghiệp hay nhiều doanh nghiệp cùng đăng ký cấp GPVT cho 01 phương tiện trong ngày. - Đề nghị có thể kiết xuất các biểu thống kê, tổng hợp số liệu báo cáo, trích yếu các thông tin có liên quan đến việc giải quyết TTHC (Mã hồ sơ, Phương tiện vận tải, doanh nghiệp số giấy phép, thời hạn giấy phép,....;) để đáp ứng công tác tra cứu và phục vụ công tác quản lý, kiểm soát phương tiện vận tải xuất nhập cảnh theo đúng quy định. - Bổ sung nội dung quản lý PTVT XNC qua cửa khẩu đối với phương tiện vận tải của Việt Nam và Trung Quốc.  4) Điều chỉnh lại thành phần hồ sơ trên hệ thống Dịch vụ công MCQG, phù hợp với quy định hiện hành.  5) Đề nghị Bộ GTVT hướng dẫn, quy định xây dựng vị trí việc làm đối với nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực vận tải quốc tế tại các Sở GTVT có cửa khẩu thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ Việt – Trung, để có cơ sở bổ sung biên chế cho địa phương, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định. | - Tiếp thu, sửa đổi, bổ sung trong dự thảo  1) Nội dung này liên quan đến Trung tâm Công nghệ thông tin Bộ GTVT, đề nghị Trung tâm Công nghệ thông tin Bộ GTVT xử lý theo đề nghị của Sở GTVT Lạng Sơn.  2) Nội dung này liên quan đến Trung tâm Công nghệ thông tin Bộ GTVT, đề nghị Trung tâm Công nghệ thông tin Bộ GTVT xử lý theo đề nghị của Sở GTVT Lạng Sơn.  3) Nội dung này liên quan đến Trung tâm Công nghệ thông tin Bộ GTVT, đề nghị Trung tâm Công nghệ thông tin Bộ GTVT xử lý theo đề nghị của Sở GTVT Lạng Sơn.  4) Nội dung này liên quan đến Trung tâm Công nghệ thông tin Bộ GTVT, đề nghị Trung tâm Công nghệ thông tin Bộ GTVT xử lý theo đề nghị của Sở GTVT Lạng Sơn.  5) Đề nghị Bộ GTVT xem xét, quyết định. |  |
| IV | **Điều 4 (Điều khoản thi hành)** |  |  |  |
| 1 | 2. Nghị định này bãi bỏ quy định tại điểm a khoản 2, khoản 5, khoản 6 và điểm a, điểm b khoản 8 Điều 1 Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ cơ sở đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; khoản 2 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ. | **- Vụ Pháp chế:**  Khoản 2: đề nghị bỏ quy định này. | ***Giải trình:***  Điều 1 Dự thảo thông tư thực hiện sửa đổi Nghị định số 65/2017/NĐ-CP. Tuy nhiên, một số điểu khoản sửa đổi đã được sửa đổi tại Nghị định 138/2018/NĐ-CP và 70/2022/NĐ-CP. Do đó, cần bãi bỏ các nội dung đã được sửa đổi để đảm bảo tính thống nhất. |  |
| 2 | 3. Điều khoản chuyển tiếp  a) Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, Giấy phép xe tập lái, Giấy phép đào tạo lái xe ô tô, Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tiếp tục còn giá trị sử dụng;  b) Cơ sở đào tạo lái xe ô tô thực hiện trang bị thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học thực hành lái xe của học viên trên xe tập lái trên sân tập lái kể từ ngày Quy chuẩn thay thế Quy chuẩn QCVN 105:2020/BGTVT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học thực hành lái xe) có hiệu lực thi hành;  c) Cơ sở đào tạo lái xe ô tô và trung tâm sát hạch lái xe phải đáp ứng điều kiện về niên hạn của xe tập lái và xe dùng để sát hạch lái xe trong thời gian ba (03) năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực. | **- Vụ Pháp chế:**  Khoản 3: dự thảo có sửa đổi về cơ quan cấp giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc (hiện nay Cục Đường bộ Việt Nam đang cấp), do đó đề nghị rà soát để chuyển tiếp đối với giấy phép mà Cục Đường bộ Việt Nam đã cấp. | ***Tiếp thu:***  Bổ sung điểm d khoản 3 Điều 4 của dự thảo Nghị định, quy định: Giấy phép vận tải loại D do Cục Đường bộ Việt Nam cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tiếp tục còn giá trị sử dụng |  |
| V | **Ý kiến khác** |  |  |  |
|  |  | **1. Vụ Pháp chế:**  Qua rà soát, dự thảo có các nội dung không sửa đổi, do đó đề nghị rà soát lại và chỉ đưa vào dự thảo Nghị định các nội dung được sửa đổi, bổ sung. | ***Tiếp thu:*** rà soát |  |
|  |  | **1. Thanh tra Bộ:** Đề nghị rà soát Nghị định số 65/2016/NĐ-CP, Nghị định số 10/2020/NĐ-CP, Nghị định số 119/2021/NĐ-CP để bổ sung các điểm, khoản, điều trong dự thảo Nghị định nhằm quy định việc thay thế cụm từ “Tổng cục Đường bộ Việt Nam” thành “Cục Đường bộ Việt Nam”.  Đề nghị rà soát dự thảo Nghị định để thay thế các cụm từ *“cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe”, “cơ quan cấp phù hiệu”, “cơ quan cấp…”* bằng cụm từ *“Sở Giao thông vận tải”* trong trường hợp Sở GTVT là cơ quan duy nhất có thẩm quyền cấp các loại giấy chứng nhận, phù hiệu, giấy tờ… trên. | ***Tiếp thu:***  - Đối với Nghị định 65/2016/NĐ-CP đã thực hiện rà soát và được sửa đổi nội dung này tại Nghị định 70/2022/NĐ-CP.  - Tiếp tục rà soát đối với Nghị định số 10/2020/NĐ-CP, Nghị định số 119/2021/NĐ-CP. |  |